ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2223/QĐ-UBND	*Hải Châu, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp lần thứ 5 về Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp lần thứ 5 về tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2025, xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách thành phố năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp lần thứ 5 về kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường Hải Châu về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND lâm thời phường Hải Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán năm 2026 trên địa bàn Phường Hải Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND lâm thời phường Hải Châu về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công ngân sách phường năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND lâm thời phường Hải Châu về việc tạm giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập phường Hải Châu năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hải Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, ngành chuyên môn và các đơn vị liên quan theo các biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026, Trưởng các phòng, ngành chuyên môn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc phường tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị chủ trì lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công.

3. Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII có trách nhiệm nhập dự toán ngân sách phường, các đơn vị có tên tại Điều 1 và thực hiện kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng các phòng ngành chuyên môn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII, Trưởng Thuế cơ sở 2 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc phường Hải Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- CT&PCT HĐND, UBND phường;
- Lưu:VT, PKTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Duy

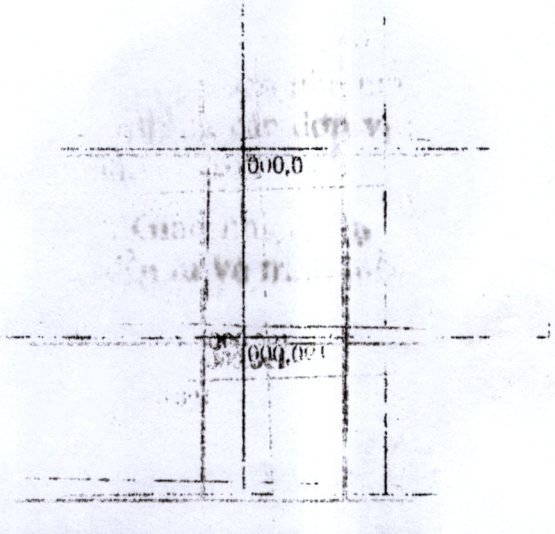
500,0

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026
GIAO CHO TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG VƯƠNG
MÃ ĐVQHNS: 1063135
MÃ CHƯƠNG: 822
(Kèm theo Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Hải Châu)

Đvt: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã khoản	Mã nguồn	DỰ TOÁN NĂM 2026	10% tạo nguồn CCTL	KINH PHÍ PHÂN BỔ	GHI CHÚ
1	**Chỉ tiêu (số lượng người làm việc)**			30			
2	**Chỉ tiêu (số lượng Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP)**			0			
A	**Kinh phí ngân sách cấp**			**7.301,050**	**130,000**	**7.171,050**	
	Chi sự nghiệp Giáo dục			**7.301,050**	**130,000**	**7.171,050**	
I	**Kinh phí tự chủ**			**6.697,000**	**120,000**	**6.577,000**	
1	Kinh phí theo định mức	072	13	6.697,000	120,000	6.577,000	- Quỹ lương: tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích nộp theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) - Kinh phí hoạt động: 25% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục (không bao gồm kinh phí thực hiện các chế độ chính sách), đảm bảo tỷ lệ quỹ lương 75%. Kinh phí hoạt động đã bao gồm các khoản chi bồi dưỡng, trang phục cho giáo viên dạy ngoài trời; kinh phí tổ chức duy trì việc dạy bơi cho các trường; mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc của viên chức, người lao động theo định mức
II	**Kinh phí không tự chủ**			**604,050**	**10,000**	**594,050**	
1	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Chính phủ	072	12	7,050		7,050	
2	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ	072	12	0,000		0,000	
3	Kinh phí chính sách đối với trẻ em mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục liên quan đến khu công nghiệp theo Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND TP ĐN	072	12	0,000		0,000	
4	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	072	12	0,000		**0,000**	
5	Kinh phí phụ cấp cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ	072	12	190,000		**190,000**	

STT	CHỈ TIÊU	Mã khoản	Mã nguồn	DỰ TOÁN NĂM 2026	10% tạo nguồn CCTL	KINH PHÍ PHÂN BỔ	GHI CHÚ
6	Kinh phí Hợp đồng công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Nghị quyết 14/NQ-HĐND và 34/NQ-HĐND) - Quỹ lương	072	12	0,000		0,000	Định mức 7,820 triệu đồng/người/tháng (bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản thanh toán theo lương) (75% tổng chi Hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)
7	Kinh phí Hợp đồng công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Nghị quyết 14/NQ-HĐND và 34/NQ-HĐND) - Hoạt động	072	12	0,000	0,000	0,000	(25% tổng chi Hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)
8	Kinh phí để thực hiện mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất thiết bị; vệ sinh trường lớp học	072	12	100,000	10,000	90,000	
9	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (biên chế)	072	18	307,000		307,000	
10	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Hợp đồng công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP)	072	18	0,000		0,000	